



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 05 | Tháng 5 - 2026

www.gvlawyers.com.vn



NỘI DUNG CHÍNH

❖ CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.
2. Nghị định sửa đổi, bổ sung về thuế giá trị gia tăng.
3. Hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

❖ BÀI VIẾT

Để share swap trở thành công cụ đầu tư kết nối thị trường vốn Việt Nam và quốc tế.

❖ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Hướng dẫn xác định khoản chi được giảm trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.
2. Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị gắn với thi công, xây dựng công trình.
3. Chính sách thuế đối với khoản chi vé máy bay, khách sạn cho cá nhân nước ngoài .
4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng.

❖ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Đề xuất doanh nghiệp dự án PPP có thể phát hành trái phiếu.
2. Đề xuất kiểm tra chuyên ngành về một đầu mối.

❖ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

Vào ngày 24/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật số 09/2026/QH16 (“**Luật sửa đổi 4 Luật về thuế**”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật Thuế Giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB). Luật sửa đổi 4 Luật về thuế có hiệu lực từ ngày được thông qua, tức ngày 24/4/2026; riêng các quy định sửa đổi liên quan đến Thuế TNCN, Thuế GTGT và Thuế TDN tại các Điều 1, 2, và 3 của Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Một số thay đổi đáng chú ý của Luật sửa đổi 4 Luật về thuế bao gồm việc điều chỉnh cơ chế xác định ngưỡng doanh thu được miễn thuế đối với một số đối tượng kinh doanh quy mô nhỏ và thay đổi lộ trình áp dụng thuế suất Thuế TTĐB đối với xe gắn động cơ chạy bằng pin.

1.1 Điều chỉnh cơ chế xác định ngưỡng doanh thu được miễn thuế

Theo quy định tại các Điều 1, 2, 3, và 5.2 của Luật sửa đổi 4 Luật về thuế, kể từ ngày 01/01/2026, ngưỡng doanh thu được miễn Thuế TNCN, Thuế GTGT và Thuế TNDN sẽ không còn được ấn định theo mức doanh thu cố định quy định trong luật (ví dụ mức 500 triệu Đồng/năm đối với Thuế TNCN và Thuế GTGT theo quy định trước đây). Thay vào đó, ngưỡng doanh thu được miễn thuế sẽ do Chính phủ quy định căn cứ trên cơ sở các chỉ số kinh tế vĩ mô, khả năng cân đối ngân sách và bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Theo đó, các đối tượng sau đây sẽ được miễn thuế nếu có tổng doanh thu năm từ mức quy định của Chính phủ trở xuống:

- Thuế TNCN: áp dụng đối với cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Thuế GTGT: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ của cá nhân và hộ sản xuất, kinh doanh.

- Thuế TNDN: áp dụng đối với tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam.

So với quy định trước đây, Luật sửa đổi 4 Luật về thuế đã thay đổi cơ chế xác định ngưỡng miễn thuế từ mức doanh thu cố định được quy định trực tiếp trong luật sang cơ chế linh hoạt do Chính phủ quyết định và điều chỉnh theo từng giai đoạn kinh tế - xã hội.

1.2 Điều chỉnh lộ trình áp dụng Thuế TTĐB đối với xe có gắn động cơ chạy bằng pin

Điều 4 của Luật sửa đổi 4 Luật về thuế đã sửa đổi quy định về Thuế TTĐB đối với xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ chạy bằng pin theo hướng vẫn giữ nguyên mức thuế suất ưu đãi đang áp dụng (thuế suất sẽ thay đổi theo từng loại xe và thời điểm) và lộ trình bắt đầu áp dụng là từ ngày 01/01/2026. Tuy nhiên, lộ trình tăng mức thuế suất sẽ áp dụng từ ngày 01/01/2031 thay vì từ ngày 01/3/2027 như quy định trước đây.

Theo đó, tùy từng loại xe, mức thuế suất ưu đãi hiện hành sẽ tiếp tục được duy trì đến hết ngày 31/12/2030. Ví dụ, xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống sẽ áp dụng

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

mức thuế suất 3% từ năm 2026 và tăng lên 11% từ năm 2031; còn xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ sẽ áp dụng mức thuế suất 2% từ năm 2026 và tăng lên 7% từ năm 2031.

Việc điều chỉnh lộ trình tăng thuế nêu trên được xem là động thái tiếp tục khuyến khích phát triển và sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường trong giai đoạn chuyển đổi sang năng lượng sạch.

2. Nghị định sửa đổi, bổ sung về thuế giá trị gia tăng

Vào ngày 05/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2026/NĐ-CP (“**Nghị định 144/2026**”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP.

Nghị định 144/2026 sẽ có hiệu lực từ ngày 20/6/2026 với những sửa đổi, bổ sung đáng chú ý sau đây:

2.1 Bổ sung và điều chỉnh các đối tượng không chịu Thuế GTGT

Các Điều 1, 2, và 5 của Nghị định 144/2026 đã bổ sung và sửa đổi một số nhóm đối tượng sau đây không chịu Thuế GTGT:

- **Nhóm đối tượng được bổ sung:**
 - ✓ **Bảo hiểm con người:** bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe, người học và các dịch vụ bảo hiểm liên quan đến con người.
 - ✓ **Bảo hiểm nông nghiệp:** bảo hiểm vật nuôi, cây trồng và các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác.
 - ✓ **Bảo hiểm thủy sản:** bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản.
 - ✓ **Tái bảo hiểm:** thực hiện theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.
 - ✓ **Bảo hiểm dầu khí:** áp dụng với công trình, thiết bị dầu khí, tàu chứa dầu mang quốc tịch nước ngoài tại vùng biển Việt Nam.

- ✓ Doanh thu hoa hồng môi giới dịch vụ bảo hiểm.

- **Nhóm đối tượng được sửa đổi:**
 - ✓ **Hoạt động bán nợ và chứng chỉ tiền gửi:** bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu, bán chứng chỉ tiền gửi.
 - ✓ **Tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu:** áp dụng với sản phẩm thuộc Phụ lục I và II của Nghị định 144/2026 (bao gồm chưa chế biến thành sản phẩm và đã chế biến thành sản phẩm theo quy định) thay thế cho Phụ lục I và II của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

2.2 Điều chỉnh quy định về xác định doanh thu tính Thuế GTGT

Theo Điều 3.1 của Nghị định 144/2026, nguyên tắc xác định doanh thu để phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ về cơ bản vẫn giữ nguyên. Theo đó, tổng doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ bao gồm doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế, không chịu thuế, giá trị gia tăng mua bán vàng bạc và cả doanh thu

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

hàng hóa không phải kê khai, tính nộp thuế.

Tuy nhiên, đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm, Nghị định 144/2026 sửa đổi phương pháp xác định doanh thu phân bổ theo hướng dẫn chiểu áp theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng, thay vì xác định theo chênh lệch giữa giá bán và giá mua như trước đây.

Ngoài ra, Điều 3.2 của Nghị định 144/2026 bổ sung quy định làm rõ rằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu Thuế GTGT để xác định tỷ lệ phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sẽ bao gồm cả doanh thu từ hàng hóa, dịch vụ không phải kê khai, tính nộp Thuế GTGT (nếu có).

2.3 Làm rõ điều kiện khấu trừ Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị từ 05 triệu Đồng trở lên

Điều 4 của Nghị định 144/2026 quy định trường hợp cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ theo hình thức trả chậm, trả góp có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh căn cứ vào (i) hợp đồng

mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, (ii) hóa đơn GTGT; và (iii) chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp, để thực hiện khấu trừ Thuế GTGT đầu vào theo các trường hợp cụ thể sau đây:

- Trường hợp chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng và chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- Trường hợp đã đến thời điểm thanh toán nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ đối với phần giá trị không có chứng từ. Thời điểm điều chỉnh là kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng.
- Trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt sau khi đã điều chỉnh giảm: cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ bổ sung lại số Thuế GTGT đầu vào tương ứng tại kỳ tính thuế phát sinh chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo

Vào ngày 30/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2026/NĐ-CP (“**Nghị định 142/2026**”) quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo (“**AI**”). Nghị định 142/2026 có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2026 và áp dụng đối với các nhà cung cấp, nhà phát triển, bên triển khai, người sử dụng hệ thống AI, và các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tham gia vào hoạt động AI tại Việt Nam.

Một số nội dung đáng chú ý của Nghị định 142/2026 bao gồm:

3.1 Nhà cung cấp AI phải thực hiện phân loại hệ thống AI trước khi đưa vào sử dụng

Nghị định 142/2026 yêu cầu các nhà cung cấp AI phải tiến hành phân loại hệ thống AI theo 3 mức rủi ro (cao, trung bình và thấp) trước khi đưa hệ thống vào sử

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

dụng. Việc phân loại này không áp dụng đối với mô hình AI độc lập, trừ trường hợp mô hình AI được sử dụng như một thành phần của một hệ thống AI cụ thể.

Trường hợp hệ thống AI được sửa đổi, tích hợp, thay đổi chức năng hoặc mục đích sử dụng làm thay đổi mức rủi ro ban đầu, bên triển khai hệ thống AI phải phối hợp với nhà cung cấp để rà soát và phân loại lại hệ thống AI.

Đối với sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ có tích hợp hệ thống AI, việc phân loại hệ thống AI không chỉ phải đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro theo pháp luật về AI mà còn phải tuân thủ pháp luật chuyên ngành, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về chất lượng sản phẩm áp dụng đối với từng sản phẩm tương ứng.

Ngoài ra, nhà cung cấp và bên triển khai hệ thống AI có thể sử dụng công cụ hỗ trợ phân loại rủi ro tự động trên Cổng thông tin điện tử một cửa về AI do Bộ Khoa học và Công nghệ thiết lập để tự đánh giá, phân loại hệ thống AI của mình. Việc sử dụng công cụ này chỉ mang tính chất hỗ trợ, không bắt buộc và không phát sinh thủ tục phê duyệt hành chính.

3.2 Hệ thống AI có mức rủi ro cao phải thực hiện đánh giá sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng

Theo các Điều 5.4 và 13 của Nghị định 142/2026, nhà cung cấp AI phải thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống AI có rủi ro cao trước khi đưa hệ thống vào sử dụng theo một trong hai hình thức: (i) thuê tổ chức đánh giá sự phù hợp (*đối với hệ thống AI có rủi ro cao thuộc Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo do Thủ tướng Chính phủ ban hành*); hoặc (ii) tự thực hiện đánh giá sự phù hợp hoặc sử dụng dịch vụ của

tổ chức đánh giá sự phù hợp (*đối với hệ thống AI có rủi ro cao không thuộc trường hợp (i) nêu trên*)

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng, nhà cung cấp AI phải thực hiện đánh giá lại sự phù hợp của hệ thống khi có thay đổi đáng kể làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá sự phù hợp ban đầu.

3.3 Hệ thống AI có rủi ro cao và trung bình phải lập hồ sơ phân loại riêng và gửi kết quả phân loại đến Bộ Khoa học và Công nghệ

Theo các Điều 12 và 14 của Nghị định 142/2026, trước khi đưa hệ thống AI vào sử dụng, nhà cung cấp AI phải lập hồ sơ phân loại rủi ro đối với hệ thống AI có mức rủi ro cao và trung bình. Hồ sơ phân loại bao gồm các tài liệu, thông tin cơ bản về: (i) nhận diện hệ thống; (ii) mô tả hệ thống và bối cảnh sử dụng; (iii) thông tin về dữ liệu; và (iv) cơ chế quản lý rủi ro của hệ thống.

Đồng thời, nhà cung cấp AI phải gửi thông báo kết quả phân loại rủi ro cho Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Cổng thông tin điện tử một cửa về AI để được cấp mã định danh AI. Nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ phân loại rủi ro trong suốt thời gian hệ thống AI hoạt động.

3.4 Có thể sử dụng Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân để thay thế hoặc tích hợp làm thành phần của Hồ sơ phân loại rủi ro

Theo Điều 12.7 của Nghị định 142/2026, trường hợp hệ thống AI có sử dụng dữ liệu cá nhân, nhà cung cấp AI được sử dụng Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân để thay thế hoặc

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

tích hợp làm thành phần của Hồ sơ phân loại rủi ro, nhằm giảm thiểu chi phí tuân thủ hành chính.

3.5 Bắt buộc gắn nhãn hiển thị đối với một số nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa

Điều 18.2 của Nghị định 142/2026 yêu cầu bên triển khai hệ thống AI phải gắn nhãn để nhận biết đối với âm thanh, hình ảnh hoặc video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng AI trong 02 trường hợp: (i) nội dung mô phỏng hoặc giả lập ngoại hình, giọng nói của người thật; và (ii) nội dung tái hiện sự kiện thực tế để phân biệt với nội dung thật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên triển khai hệ thống AI được lựa chọn 1 trong 4 hình thức sau để thể hiện nhãn hiển thị: (i) hiển thị trực tiếp trên nội dung; (ii) hiển thị tại tiêu đề, phần mô tả hoặc chú thích kèm theo nội dung; (iii) hiển thị trên giao diện của nền tảng cung cấp nội dung; hoặc (iv) phát thông báo bằng âm thanh hoặc hình thức phù hợp khác.

3.6 Nghĩa vụ báo cáo sự cố nghiêm trọng

Theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 142/2026, khi xảy ra sự cố nghiêm trọng có tính khẩn cấp của hệ thống AI (*nhu thiết hại về sức khỏe, tính mạng con người; quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; thiệt hại đáng kể về tài sản hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của tổ chức; gây gián đoạn nghiêm trọng việc cung cấp dịch vụ công, dịch vụ thiết yếu hoặc ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội*) thì nhà cung cấp hoặc bên triển khai phải Báo cáo sơ bộ qua Cổng thông tin một cửa về AI trong vòng 72 giờ kể từ thời điểm xác nhận sự cố. Đối với các sự cố nghiêm trọng khác, thời hạn gửi báo cáo sơ bộ là 05 ngày làm việc kể từ khi xác nhận sự cố.

Việc nộp báo cáo sơ bộ trong thời hạn quy định không bị coi là sự thừa nhận lỗi kỹ thuật hoặc trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân báo cáo. Thời hạn báo cáo chính thức về kết quả khắc phục sự cố cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền là 15 ngày kể từ ngày nộp báo cáo sơ bộ.

BÀI VIẾT

Global Vietnam Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư Ngô Thị Diễm có tiêu đề: **“Để share swap trở thành công cụ đầu tư kết nối thị trường vốn Việt Nam và quốc tế”** được đăng trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn, số 19-2026 (1.847) ngày 07/5/2026.

Hoán đổi cổ phần (share swap) là một cấu trúc giao dịch phổ biến trong các thương vụ mua bán và sáp nhập và cũng không xa lạ trong thực tiễn của Việt Nam. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, cấu trúc này vẫn đang ở trạng thái “nửa vơi” rất cần sự xem xét.

Hoán đổi cổ phần (*share swap*) đang trở thành một cấu trúc giao dịch ngày càng phổ biến trong các thương vụ mua bán – sáp nhập (M&A), đặc biệt ở các giao dịch có quy mô lớn, có yếu tố xuyên biên giới hoặc phụ vụ mục tiêu tái cấu trúc nội bộ. Thay vì thanh toán hoàn toàn bằng tiền mặt, các bên sử dụng cổ phần hoặc phần vốn góp như một phương tiện “hoán đổi giá trị”, qua đó tái định hình cấu trúc sở hữu giữa các doanh nghiệp.

Xét dưới góc độ pháp lý của Việt Nam, cấu trúc share swap vẫn đang ở trạng thái “nửa vơi”: đã được thừa nhận trong một số lĩnh vực, nhưng chưa được công nhận đầy đủ như một chế định pháp lý độc lập – đặc biệt trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Điều này đặt ra một câu hỏi đáng suy ngẫm: liệu khung pháp lý hiện hành đã thực sự sẵn sàng cho *share swap*, hay vẫn đang “đuối theo” thực tiễn thị trường?

Các cấu trúc phổ biến của share swap

Theo thông lệ quốc tế, hoán đổi cổ phần không chỉ áp dụng đối với cổ phần của công ty cổ phần mà còn được sử dụng rộng rãi đối với phần vốn góp tại các loại hình doanh nghiệp khác. Điểm cốt lõi của cấu trúc này là các bên trao đổi quyền sở hữu thay vì thanh toán bằng tiền mặt.

Pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán và đầu tư – bao gồm cả đầu tư ra nước ngoài – cũng đã từng bước tiếp cận theo hướng này khi thừa nhận việc hoán đổi cả cổ phần và phần vốn góp, không phụ thuộc vào hình thức pháp lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định tỷ lệ hoán đổi thường gắn với mệnh giá – yếu tố chỉ tồn tại đối với cổ phần – nên trong nhiều trường hợp, các bên phải thực hiện các bước tái cấu trúc trung gian (ví dụ chuyển đổi phần vốn góp thành cổ phần) để thuận lợi hóa giao dịch.

Trong thực tiễn, *share swap* thường xuất hiện dưới hai kịch bản điển hình:

Thứ nhất, trong giao dịch M&A. Một doanh nghiệp (ví

dụ công ty A, viết tắt là A) muốn nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp khác (công ty B, viết tắt là B) nhưng không thanh toán bằng tiền mặt, mà sử dụng cổ phần của mình để hoán đổi lấy cổ phần của B. Sau giao dịch, A trở thành cổ đông chi phối của B, trong khi các cổ đông của B trở thành cổ đông của A. Cấu trúc này giúp duy trì dòng tiền và đồng thời gắn kết lợi ích dài hạn giữa các bên.

Thứ hai, trong giao dịch góp vốn. Một nhà đầu tư sử dụng cổ phần đang nắm giữ tại một doanh nghiệp để góp vốn vào một doanh nghiệp khác. Kết quả là hình thành quan hệ sở hữu chéo, trong đó các bên không chỉ góp vốn mà còn cùng chia sẻ lợi ích phát triển.

Dù dưới hình thức nào, đặc điểm chung của *share swap* là không phát sinh dòng tiền. Đây chính là ưu điểm lớn nhất, nhưng đồng thời cũng là nguồn gốc của nhiều vướng mắc pháp lý trong quá trình triển khai.

Share swap: “đắt điểm” nơi lĩnh vực chứng khoán

Trong hệ thống pháp luật hiện hành, *share swap* được



ghi nhận rõ nét nhất trong lĩnh vực chứng khoán. Các quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP cho phép công ty đại chúng (bao gồm công ty niêm yết) phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phần của doanh nghiệp khác và thực hiện các giao dịch M&A thông qua cơ chế hoán đổi.

Đáng chú ý, phạm vi của cơ chế này không chỉ giới hạn trong các công ty đại chúng mà còn có thể mở rộng sang các công ty chưa phải là công ty đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thậm chí, trong một số trường hợp, việc chuyển đổi nghĩa vụ nợ thành cổ phần. Có thể nói, trong lĩnh vực chứng khoán, *share swap* đã được “luật hóa” tương đối đầy đủ, với quy trình, điều kiện và thủ tục khá rõ ràng. Đây là nền tảng quan trọng để các doanh nghiệp triển khai các giao dịch hoán đổi trong thực tiễn.

Bước tiến trong pháp luật đầu tư ra nước ngoài

Một bước tiến đáng kể là việc ban hành Nghị định 103/2026/NĐ-CP, hướng dẫn Luật Đầu tư 2025 về hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Kế thừa quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP, Nghị định 103/2026/NĐ-CP tái khẳng định rõ cổ phần, phần vốn góp là một trong các tài sản hợp pháp dùng để đầu tư ra nước ngoài. Đồng thời, tiến thêm một bước trong việc thừa nhận *share swap* như một cấu trúc thanh toán được phép áp dụng cũng như đặt ra các nguyên tắc cơ bản cho việc thực hiện giao dịch theo cấu trúc này.

Đây là bước tiến quan trọng, chấm dứt phần nào tình trạng “mập mờ” trước đây khi *share swap* chỉ tồn tại trên thực tế mà thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng.

Tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ *share swap* vẫn chưa được

định danh như một khái niệm pháp lý độc lập, mà chỉ được nhìn nhận gián tiếp như một “phương thức thanh toán”. Điều này dẫn đến sự thiếu đồng bộ khi đối chiếu với hệ thống pháp luật chứng khoán và doanh nghiệp.

“Không có dòng tiền” – lợi thế hay khoảng trống pháp lý?

Điểm nghẽn lớn nhất của *share swap* trong đầu tư ra nước ngoài hiện nay nằm ở chính đặc điểm cốt lõi của nó: không có dòng tiền.

Về bản chất, *share swap* là giao dịch mang tính “hàng đổi hàng” (cổ phần đổi cổ phần hoặc phần vốn góp), theo đó về mặt lý thuyết không phát sinh nhu cầu dịch chuyển dòng tiền mặt qua biên giới. Tuy nhiên, mặc dù đã chấp nhận cấu trúc *share swap*, Nghị định 103/2026/NĐ-CP hiện vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc miễn nghĩa vụ chuyển tiền qua tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài mở tại ngân hàng thương mại đối với các giao dịch theo cấu trúc này.

Theo thực tiễn áp dụng các quy định trước đây tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng được phép thường yêu cầu phải có dòng tiền vào/ra thực tế nhằm phục vụ việc đối soát, khớp

số liệu trên hệ thống quản lý ngoại hối. Trong khi đó, Nghị định 103/2026/NĐ-CP mới chỉ dừng lại ở việc công nhận giá trị hoán đổi cổ phần, phần vốn góp là một bộ phận của tổng vốn đầu tư ra nước ngoài, mà chưa giải quyết dứt điểm cơ chế chứng minh việc đã “góp vốn” hoặc đã thanh toán xong trong trường hợp không phát sinh dòng tiền. Trong bối cảnh đó, câu hỏi pháp lý then chốt được đặt ra là: trong trường hợp không có dòng tiền mặt thực tế luân chuyển qua tài khoản vốn, cơ sở nào để ngân hàng xác nhận giá trị vốn đầu tư đã được thực hiện ở nước ngoài, qua đó làm căn cứ cho việc ghi nhận, quản lý và cuối cùng là cho phép chuyển lợi nhuận về Việt Nam theo quy định của pháp luật ngoại hối?

Sự thiếu rõ ràng nêu trên có thể khiến các doanh nghiệp đã, đang và sẽ triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo cấu trúc *share swap* (trong trường hợp không có hướng dẫn chi tiết hơn cho việc thực thi các quy định tương ứng của Nghị định 103/2026/NĐ-CP) tiếp tục phải áp dụng một quy trình mang tính “vòng vèo” và tiềm ẩn rủi ro pháp lý, tương tự như thực tiễn trong giai đoạn trước đây. Theo đó, nhà đầu tư vừa phải thực hiện thủ tục đăng ký thông qua các hợp đồng, thỏa thuận về việc hoán đổi tài sản, vừa

phải làm việc chặt chẽ với ngân hàng thương mại nhằm ghi nhận giá trị cổ phần, phần vốn góp hoán đổi như một khoản vốn đã thực góp ra nước ngoài, mặc dù trên thực tế không có bất kỳ dòng ngoại tệ nào được chuyển đi.

Đáng lưu ý, trong không ít trường hợp, các ngân hàng thương mại vẫn chưa sẵn sàng chấp thuận các cấu trúc đầu tư mang tính “phi tiền tệ” này. Hệ quả là các bên liên quan buộc phải thu xếp các dòng tiền vào/ra mang tính kỹ thuật, mô phỏng theo các giao dịch mua bán cổ phần hoặc góp vốn thông thường, qua đó làm suy giảm đáng kể ý nghĩa và lợi thế thương mại vốn có của cấu trúc *share swap*.

Giải pháp đề xuất

Trước hết, cần định danh rõ ràng về *share swap* thông qua việc làm rõ các nội dung sau:

Thứ nhất về phạm vi “share swap”: Bổ sung một khái niệm pháp lý độc lập xác định rõ đây là giao dịch mà đối giá không phải là tiền, mà là cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác.

Thứ hai về điều kiện áp dụng và thủ tục thực hiện: Ban hành thêm các hướng dẫn chi tiết thêm các quy định về điều kiện cần đáp ứng và quy trình thủ tục thực hiện từ các quy định mang tính nguyên

tắc chung của Nghị định 103/2026/NĐ-CP. Trong đó, đối với các giao dịch *share swap* liên quan đến cổ phần của nhóm các công ty đại chúng (bao gồm công ty niêm yết), khung pháp lý điều chỉnh về *share swap* sẽ cần được nghiên cứu và thực hiện trên cơ sở tuân thủ và đồng bộ với các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thứ ba là giải pháp triệt để vấn đề “dòng tiền”: Để *share swap* được áp dụng hiệu quả, cần thống nhất các nguyên tắc sau: Ghi nhận rõ việc công nhận và không yêu cầu chứng minh dòng tiền đối với các giao dịch *share swap* và chỉ yêu cầu dòng tiền trong các trường hợp có hoán đổi không hoàn toàn, chẳng hạn như *share swap* kèm phần thanh toán chênh lệch bằng tiền (*cash adjustment*).

Cuối cùng là xác định rõ cơ chế công nhận tỷ lệ hoán đổi theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên tham gia giao dịch hay báo cáo độc lập. Trong thực tiễn, tỷ lệ hoán đổi có thể được xác định theo thỏa thuận của các bên ghi nhận trong hợp đồng, dựa trên các chỉ số tài chính thông qua quá trình thẩm định tài chính, chiến lược đầu tư, vị thế đàm phán và kỳ vọng dài hạn. Bên cạnh đó, tùy theo bản chất và tính độc lập giữa các bên tham gia giao dịch, báo cáo định giá, ý kiến độc lập của tổ chức tư vấn tài

BÀI VIẾT

chính (đặc biệt trong các giao dịch quan trọng hoặc có yếu tố công chúng) cũng là một căn cứ tham khảo quan trọng cho việc quyết định tỷ lệ hoán đổi.

Các quy định tại Nghị định 103/2026/NĐ-CP hiện nay chưa có hướng dẫn rõ ràng về việc cơ quan quản lý sẽ công nhận tỷ lệ hoán đổi trên cơ sở nào mà chỉ ràng buộc nguyên tắc “xác định giá trị giao dịch theo nguyên tắc thị trường” dẫn đến rủi ro là cơ quan quản lý “điều chỉnh lại” giá trị giao dịch hậu kiểm; và phát sinh tranh chấp về thuế, chuyển giá hoặc nghĩa vụ tài chính khác.

Để khắc phục các hạn chế nêu trên, cần có cơ chế pháp lý rõ ràng hơn: (i) Thừa nhận tỷ lệ hoán đổi theo hợp đồng giữa các bên tham gia giao dịch là cơ sở chính, nếu các bên độc lập và không có dấu

hiệu trốn tránh nghĩa vụ; (ii) Trong các trường hợp “nhạy cảm” (công ty đại chúng, giao dịch với bên liên quan), có thể yêu cầu báo cáo định giá độc lập như một cơ chế tùy chọn để đảm bảo tính minh bạch, thay vì là một điều kiện hiệu lực cứng nhắc.

Tạm kết: từ “ngập ngừng” đến “rõ ràng”

Thực tiễn cho thấy, *share swap* đã và đang được sử dụng trong nhiều giao dịch M&A xuyên biên giới, đặc biệt khi có sự tham gia của các công ty đại chúng. Tuy nhiên, phần lớn các giao dịch này dựa trên “tiền lệ thực tiễn” hơn là một khung pháp lý hoàn chỉnh.

Việc Nghị định 103/2026/NĐ-CP chính thức thừa nhận *share swap* là một bước tiến đáng ghi nhận. Nhưng để cấu trúc này thực

sự đi vào cuộc sống, cần một bước tiến xa hơn – từ thừa nhận mang tính nguyên tắc sang công nhận với cơ chế vận hành rõ ràng.

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy hội nhập tài chính và khuyến khích doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế, *share swap* không chỉ là một công cụ kỹ thuật. Nếu được hoàn thiện về mặt pháp lý, đây có thể trở thành một “đòn bẩy” quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam linh hoạt trong M&A xuyên biên giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và từng bước tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái tài chính toàn cầu.

Vấn đề còn lại là liệu chúng ta có sẵn sàng chuyển từ “thừa nhận trong ngập ngừng” sang “công nhận một cách dứt khoát” hay không.

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Hướng dẫn xác định khoản chi được giảm trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn

Trường hợp các khoản chi khen thưởng bằng hiện vật cho người làm công, các khoản trợ cấp, phúc lợi cho con, gia đình và người thân của người làm công đáp ứng quy định tại điểm 6.2 Mục II Phụ lục II của Nghị định số 236/2025/NĐ-CP thì các khoản chi này được xác định là chi tiền lương hợp lệ và được tính vào giá trị tiền lương được giảm trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Cục Thuế trả lời vướng mắc của Thuế tỉnh Bắc Ninh tại Công văn số 2697/CT-CS ngày 28/4/2026.

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị gắn với thi công, xây dựng công trình

Trường hợp hợp đồng giữa các bên là cung cấp vật tư, thiết bị gắn với thi công, xây dựng công trình thì thời điểm lập hóa đơn được xác định riêng cho từng phần hàng hóa và dịch vụ như sau:

- Đối với hàng hóa: Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.
- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt: Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

Cục Thuế trả lời vướng mắc của Thuế tỉnh Hà Tĩnh tại Công văn số 3047/CT-CS ngày 14/5/2026.

3. Chính sách thuế đối với khoản chi vé máy bay, khách sạn cho cá nhân nước ngoài

- Về thuế thu nhập cá nhân: Trường hợp Công ty phát sinh khoản chi vé máy bay, khách sạn cho cá nhân nước ngoài sang Việt Nam nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thì khoản chi này được xem là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của cá nhân theo quy định.
- Về thuế nhà thầu nước ngoài: Trường hợp Công ty chi trả một số khoản chi phí (như vé máy bay, chi phí khách sạn) cho cá nhân nước ngoài, nếu các khoản chi này được xác định là khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay cho nhà thầu nước ngoài thì các khoản chi trả thay này sẽ được tính doanh thu tính thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 9.4 của Thông tư số 69/2025/TT-BTC và Điều 7.3 của Thông tư số 20/2026/TT-BTC.

Thuế tỉnh Hưng Yên trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Tanaka Precision Việt Nam tại Công văn số 5466/HYE-QLDN2 ngày 22/4/2026.

4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư phát triển đối với dự án đang hoạt động như mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng), thì dự án đầu tư mở

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

rộng có thể được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng:

- điều kiện ưu đãi về địa bàn, lĩnh vực; và
- một trong ba tiêu chí về nguyên giá tài sản cố định tăng thêm, tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm, hoặc công suất thiết kế tăng thêm,

theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và Điều 10.4 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Trường hợp Công ty chỉ thực hiện đầu tư nâng cấp, thay thế đổi mới công nghệ của dự án đang hoạt động thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí nêu trên đối với dự án đầu tư mở rộng, thì ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) sẽ tiếp tục được áp dụng theo dự án đang hoạt động cho thời gian ưu đãi còn lại.

Cục thuế trả lời vướng mắc của Thuế thành phố Hải Phòng tại Công văn số 3006/CT-CS ngày 13/5/2026..



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

1. Đề xuất doanh nghiệp dự án PPP có thể phát hành trái phiếu

Bộ Tài chính đề xuất nói điều kiện phát hành trái phiếu ra công chúng cho doanh nghiệp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP trong nỗ lực mở rộng kênh huy động vốn dài hạn cho các dự án hạ tầng quy mô lớn.

Theo dự thảo nghị định vừa được trình Chính phủ, doanh nghiệp PPP sẽ không còn bị đặt nặng yêu cầu về thời gian hoạt động hay có lãi như doanh nghiệp thông thường. Thay vào đó, cơ quan quản lý tập trung kiểm soát tính pháp lý của hợp đồng dự án, giới hạn vay vốn, cơ chế bảo đảm thanh toán và xếp hạng tín nhiệm. Với các dự án chưa đi vào khai thác, trái phiếu phát hành bắt buộc phải có bảo lãnh thanh toán vô điều kiện từ tổ chức tín dụng hoặc định chế tài chính đủ điều kiện. Bộ Tài chính cho rằng quy định hiện hành chưa phù hợp với đặc thù mô hình PPP, trong bối cảnh nhiều dự án hạ tầng vẫn phụ thuộc lớn vào tín dụng ngân hàng và cần thêm nguồn vốn trung, dài hạn từ thị trường trái phiếu.

Theo Ban soạn thảo, nhiều nước trên thế giới đã và đang thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy việc huy động vốn cho các dự án hạ tầng quan trọng, như tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát hành trái phiếu hạ tầng, phát triển các loại hình quỹ cho đầu tư hạ tầng, ưu đãi thuế cho các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư trái phiếu hạ tầng hoặc quỹ đầu tư hạ tầng...

Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng quy định về chào bán trái phiếu ra công chúng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp dự án PPP có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển thị trường vốn theo chiều sâu, thúc đẩy huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho đầu tư hạ tầng, đồng thời góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia trong giai đoạn tới là rất cần thiết và cấp bách.

Theo vtv.vn

2. Đề xuất kiểm tra chuyên ngành về một đầu mối

Bộ Tài chính đang giao Cục Hải quan xây dựng đề án thống nhất cơ quan hải quan chủ trì thực hiện kiểm tra thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu, qua đó giảm chồng chéo kiểm tra chuyên ngành và nâng cao hiệu quả thông quan hàng hóa.

Theo đó, Cục Hải quan đề xuất xây dựng mô hình mới theo hướng doanh nghiệp chỉ nộp một bộ hồ sơ trên hệ thống hải quan điện tử và Cơ chế một cửa quốc gia thay vì phải nộp cho nhiều cơ quan khác nhau như hiện nay. Cơ quan hải quan sẽ là đầu mối tiếp nhận hồ sơ kiểm tra

chuyên ngành, phối hợp với các tổ chức đánh giá sự phù hợp, phòng thử nghiệm và căn cứ kết quả kiểm tra để thực hiện thông quan hàng hóa. Mô hình này sẽ giúp doanh nghiệp giảm số lần khai báo, giảm đầu mối tiếp xúc, rút ngắn thời gian thông quan và giảm chi phí tuân thủ. Dự kiến, lộ trình triển khai gồm hai giai đoạn: Ưu tiên triển khai tại các cửa khẩu biên giới đường bộ với Trung Quốc; và sau đó mở rộng ra các loại hình cửa khẩu tại đường sắt, đường biển và hàng không.

Theo vtv.vn

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
QUỐC HỘI			
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, số 09/2026/QH16.	24/4/2026	24/4/2026
2	Nghị quyết 31/2026/QH16 về Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI.	24/4/2026	08/6/2026
3	Nghị quyết 29/2026/QH16 về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài.	24/4/2026	01/5/2026
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng của Quốc hội, số 04/2026/QH16.	23/4/2026	01/01/2027
5	Luật Tiếp cận thông tin, số 01/2026/QH16.	23/4/2026	01/9/2026
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định số 152/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.	13/5/2026	01/7/2026
2	Nghị định số 147/2026/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội.	07/5/2026	07/5/2026
3	Nghị định số 144/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP.	05/5/2026	20/6/2026
4	Nghị định số 142/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.	30/4/2026	01/5/2026
5	Nghị định số 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.	29/4/2026	01/01/2026
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định số 804/QĐ-TTg ban hành Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu.	06/5/2026	06/5/2026
2	Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược.	30/4/2026	01/7/2026
BỘ TÀI CHÍNH			

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1	Thông tư số 55/2026/TT-BTC quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư.	15/5/2026	15/5/2026
2	Thông tư số 48/2026/TT-BTC hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước và chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động sàn giao dịch các-bon trong nước.	12/5/2026	12/5/2026
3	Thông tư số 44/2026/TT-BTC quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư.	22/4/2026	22/4/2026
4	Công văn số 5427/BTC-DNTN về đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.	29/4/2026	29/4/2026
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư số 24/2026/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất.	05/5/2026	05/5/2026
BỘ NGOẠI GIAO			
1	Thông tư số 03/2026/TT-BNG quy định về phân cấp thẩm quyền chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	06/5/2026	09/5/2026

2026



LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

info@gvlawyers.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 8, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam, Tel: +84 (28) 3622 3555

Văn phòng Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC,
25 Lê Đại Hành,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam, Tel: +84 (24) 3208 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.



+84 28 3622 3555



www.gvlawyers.com.vn